

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK2 - MÔN LỊCH SỬ LỚP 11

Bài 7 Khái quát về chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

Câu 1. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quan trọng

- A. trong việc hình thành và nâng cao lòng tự hào dân tộc.
- B. trong việc hình thành và phát triển truyền thống yêu nước.
- C. đối với sự sinh tồn và phát triển của quốc gia, dân tộc
- D. khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.

Câu 2. Trận quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán năm 938 diễn ra tại

- A. sông Bạch Đằng. B. sông Như Nguyệt. C. bến Đông Bộ Đầu. D. cửa ải Hàm Tử

Câu 3. Trận quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Thanh năm 1789 diễn ra tại

- A. sông Bạch Đằng. B. sông Như Nguyệt. C. đồn Ngọc Hồi - Đống Đa. D. cửa ải Chi Lăng

Câu 4. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm và Thanh cuối thế kỉ XVIII là

- A. Ngô Quyền. B. Trần Hưng Đạo. C. Lê Lợi. D. Nguyễn Huệ - Quang Trung.

Bài 8. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (Từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)

Câu 5. Một trong những đặc điểm của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng (cuối thế kỉ VIII) là gì?

- A. Do triều đình phong kiến lãnh đạo. B. Chống lại ách cai trị của nhà Đường.

Câu 6: Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta thời kì Bắc thuộc đều diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Chính quyền phương Bắc suy yếu. B. Đất nước bị mất độc lập, tự chủ.
- B. Lực lượng vũ trang của ta lớn mạnh. D. Nhân dân Việt Nam đã bị đồng hóa.

Câu 7. Nguyên nhân sâu xa bùng nổ các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc là

- A. nhân dân Việt Nam đã thiết lập được chính quyền vững mạnh.
- B. chính quyền đô hộ của phương Bắc khủng hoảng, tổ chức lỏng lẻo.
- C. do ách cai trị, bóc lột nặng nề của chính quyền đô hộ phương Bắc.
- D. do mâu thuẫn của các thủ lĩnh người Việt với chính quyền đô hộ.

Câu 8. Năm 1426, nghĩa quân Lam Sơn đánh tan trên 5 vạn quân Minh trong trận

- A. Tốt Động – Chúc Động B. Chi Lăng – Xương Giang
- C. Ngọc Hồi – Đống Đa D. Rạch Gầm – Xoài Mút

Bài 9. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối tk XIV, đầu XV)

Câu 9. Năm 1400, Hồ Quý Ly buộc vua Trần nhường ngôi và lập ra triều đại

- A. nhà Lê sơ. B. nhà Nguyễn. C. nhà Hồ. D. nhà Lý.

Câu 10. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Nước Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng. B. Nhà Trần đang trong giai đoạn phát triển thịnh đạt.
- C. Giặc Tống sang xâm lược nước ta lần thứ nhất. D. Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển đỉnh cao.

Câu 11. Về kinh tế - xã hội, nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất lớn trong các điền trang, thái ấp của quý tộc, Hồ Quý Ly đã

- A. cho phát hành tiền giấy. B. ban hành chính sách hạn điền.
- C. cải cách chế độ giáo dục. D. thống nhất đơn vị đo lường.

Câu 12. Xây dựng nhiều thành lũy kiên cố, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

- A. kinh tế. B. văn hoá. C. quân sự. D. xã hội.

Câu 13. Hạn chế sự phát triển của Phật giáo, chấn chỉnh lại chế độ thi cử, đề cao chữ Nôm là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

- A. kinh tế, xã hội. B. văn hoá, giáo dục. C. chính trị, quân sự. D. hành chính, pháp luật.

Câu 14. Trong cải cách về văn hoá, Hồ Quý Ly khuyến khích và đề cao chữ viết nào sau đây?

- A. Chữ Nôm. B. Chữ Hán. C. Chữ Latinh. D. Chữ Quốc ngữ.

Câu 15. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc cải cách Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực đất nước

- B. Là cuộc cải cách triệt để giúp đất nước vượt qua khủng hoảng.
- C. Góp phần xây dựng nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc.
- D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về việc trị nước.

Bài 10. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (tk XV)

Câu 16. Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông được tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Nội bộ triều đình có nhiều mâu thuẫn, biến động.
- B. Nền kinh tế sa sút, nạn đói diễn ra thường xuyên
- C. Đất nước đứng trước nguy cơ bị nhà Minh xâm lược
- D. Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng trầm trọng

Câu 17. Công cuộc cải cách của Lê Thánh Tông được tiến hành trên mọi lĩnh vực, nhưng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực

- A. kinh tế.
- B. giáo dục.
- C. hành chính.
- D. văn hóa.

Câu 18. Để quản lý đất nước, vua Lê Thánh Tông đã cho ban hành bộ luật nào sau đây?

- A. Hình thư
- B. Quốc triều hình luật.
- C. Hình luật.
- D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 19. Ban cấp ruộng đất ruộng đất cho quý tộc, quan lại cao cấp từ nhất phẩm đến tứ phẩm là nội dung chủ yếu của chính sách cải cách nào sau đây của vua Lê Thánh Tông?

- A. Quân điền
- B. Hạng điền
- C. Hạng nô
- D. Lộc điền

Câu 20. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống quan lại được tuyển chọn chủ yếu thông qua

- A. dòng dõi tôn thất
- B. tiến cử
- C. giáo dục – khoa cử
- D. đề cử

Câu 21. Trong nội dung cải cách, Hồ Quý Ly và vua Lê Thánh Tông đều

- A. bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ có nhiều quyền lực
- B. khuyến khích và đề cao sử dụng chữ Nôm trong thi cử
- C. hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của quý tộc tôn thất
- D. tăng cường cơ chế giám sát, ràng buộc nhau giữa các cơ quan

Bài 11. Cuộc cải cách của Minh Mạng (Nửa đầu tk XIX)

Câu 22. Để hoàn thiện bộ máy chính quyền Trung ương, vua Minh Mạng đã cho thành lập một số cơ quan mới có tên là

- A. Lục bộ, Lục khoa, Lục tự
- B. Đô ty, Thừa ty, Hiến ty
- C. Đô sát viện, Cơ mật viện
- D. Thông chính ty, Quốc Tử Giám

Câu 23. Nội dung nào sau đây không phải là hoạt động cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX?

- A. Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục bộ
- B. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô
- C. Tăng cường giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan
- D. Phân chia lại đơn vị hành chính ở cấp địa phương

Câu 24. Trong công cuộc cải cách của vua Minh Mạng, Nội các được thành lập có vai trò nào sau đây?

- A. Giúp vua khởi thảo các văn bản hành chính
- B. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Lục bộ
- C. Phụ trách nhân khẩu, thu thuế trong cả nước
- D. Xướng danh những người đỗ trong kì thi Đình

Câu 25. Trong bộ máy chính quyền trung ương thời Minh Mạng, Cơ mật viện có vai trò tư vấn cho nhà vua về

- A. văn hóa.
- B. quân sự.
- C. giáo dục.
- D. luật pháp.

Câu 26. Ở địa phương, trong công cuộc cải cách hành chính nửa đầu thế kỉ XIX, vua Minh Mạng đã chia cả nước thành

- A. 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên.
- B. Bắc Thành, Gia Định thành
- C. 13 đạo thừa tuyên và các phủ
- D. các lộ, trấn, phủ, huyện/châu

Câu 27. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.
- B. ngăn chặn mọi nguy cơ xâm lược từ bên ngoài.
- C. đặt cơ sở cho sự phân chia tỉnh, huyện hiện nay.
- D. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 28. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng được thực hiện trên cơ sở học tập chủ yếu mô hình của vương triều nào sau đây ở Trung Quốc?

- A. Nhà Nguyên
- B. Nhà Thanh
- C. Nhà Tống
- D. Nhà Đường

Bài 12. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông

Câu 29. Biển Đông là vùng biển thuộc

A. Ấn Độ Dương. B. Thái Bình Dương. C. Đại Tây Dương. D. Địa Trung Hải.

Câu 30. Biển Đông là vùng biển chung của 9 quốc gia ở châu Á, trong đó có

A. Trung Quốc B. Lào C. Ấn Độ D. Nhật Bản

Câu 31. Tuyến đường vận tải quốc tế qua Biển Đông được coi là nhộn nhịp thứ 2 trên thế giới chỉ sau biển

A. Địa Trung Hải B. Hoa Đông. C. Caribê. D. Gia - va.

Câu 32. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của quốc gia nào sau đây?

A. Trung Quốc. B. Hàn Quốc. C. Việt Nam. D. Nhật Bản.

Câu 33. Hiện nay, quần đảo Hoàng Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của

A. thành phố Đà Nẵng. B. tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. C. tỉnh Cà Mau. D. tỉnh Khánh Hòa

Câu 34. Hiện nay, quần đảo Trường Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của

A. thành phố Đà Nẵng. B. tỉnh Kiên Giang. C. tỉnh Khánh Hòa. D. tỉnh Nghệ An.

Câu 35. Cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều tạo thuận lợi để Việt Nam phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

A. nông nghiệp lúa nước B. lâm nghiệp C. công nghiệp chế tạo D. khai thác hải sản

Câu 36. (Đúng/Sai) Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt từ xa xưa cho vùng biển nằm ở phía đông đất nước (Dư địa chí của Nguyễn Trãi năm 1435). Tên tiếng Anh của Biển Đông là South China Sea, do tổ chức Thủy đặc quốc tế đặt theo thông lệ quốc tế dựa vào tên địa danh của một quốc gia ven biển có diện tích lãnh thổ đất liền lớn nhất nhưng tên gọi này không hàm ý về chủ quyền. Người Trung Quốc gọi là Nam Hải, người Phi – lip – pin gọi là Biển Tây”
(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ chân trời sáng tạo, tr.77)

a. Biển Đông có nhiều tên gọi khác nhau tùy theo cách gọi của từng quốc gia.

b. Tổ chức Thủy đặc quốc tế đặt tên cho Biển Đông là South China Sea (tức là vùng biển phía Nam Trung Quốc) vì Trung Quốc là quốc gia ven Biển Đông có diện tích lớn nhất.

c. Theo tổ chức Thủy đặc quốc tế, Biển Đông là vùng biển thuộc chủ quyền duy nhất của Trung Quốc.

d. Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt do vùng biển này nằm ở phía đông đất nước ta, nhưng người Phi – lip – pin lại gọi là Biển Tây vì vùng biển này nằm ở phía tây đất nước Phi – lip – pin.

Câu 37. (Đúng/Sai) Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đảo Trường Sa thuộc quần đảo Trường Sa (huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa) là một trong những đảo lớn, quan trọng (cùng với đảo Song Tử Đông, Song Tử Tây, đảo Thị Tứ, đảo Loại Ta, đảo Ba Bình, đảo Nam Yết... ở quần đảo Trường Sa). Hiện nay, trên đảo Trường Sa và một số đảo khác thuộc quần đảo đã thành lập xã đảo thuộc huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Nhiều công trình dân sinh như sân bay, cột cờ và đài tưởng niệm, trường học, bệnh xá, chùa, cột thu tiếp sóng viễn thông... đã được xây dựng góp phần cải thiện và nâng cao đời sống của bộ đội và nhân dân trên huyện đảo, đồng thời góp phần củng cố và tăng cường cho công cuộc bảo vệ, thực thi chủ quyền của Tổ quốc trên quần đảo Trường Sa.

a. Đảo Trường Sa là đảo lớn và quan trọng duy nhất thuộc quần đảo Trường Sa.

b. Trên đảo Trường Sa hiện nay, nhà nước ta đã thành lập được xã đảo và xây dựng được nhiều công trình phục vụ đời sống nhân dân.

c. Việc thành lập các xã đảo và huyện đảo Trường Sa là một biện pháp thực thi chủ quyền biển đảo của Đảng và Nhà nước ta.

d. Việc xây dựng sân bay, trường học, bệnh viện... trên quần đảo Trường Sa nhằm mục đích duy nhất là cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân.

Bài 13. Việt Nam và Biển Đông

Câu 38. Khu vực nào của Việt Nam không giáp với Biển Đông?

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Nam. D. Đông Nam.

Câu 39. Về quốc phòng, an ninh, tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam được thể hiện ở điểm nào sau đây?

A. Là nơi có trữ lượng dầu khí lớn nhất thế giới.

B. Là nơi có nguồn tài nguyên sinh vật đa dạng.

C. Là khu vực tập trung các tuyến đường chiến lược.

D. Là tuyến phòng thủ từ phía đông của đất nước.

Câu 40: Quốc gia đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là

A. Việt Nam. B. Trung Quốc

C. Thái Lan.

D. Campuchia.

Câu 41. Một trong những công trình sử học và địa lí ghi chép về cương vực, lãnh thổ và hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của nhà nước phong kiến Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa là

A. Đại Nam thực lục. B. Hịch tướng sĩ. C. Bình Ngô đại cáo. D. Ước Trại thi tập.

Câu 42. Từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX, tổ chức nào sau đây có nhiệm vụ đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

A. Đội Hoàng Sa, Bắc Hải B. Đội Trường Sa, Bắc Hải

C. Đội Hoàng Sa, Trường Sa. D. Đội Nam Hải, Đông Hải

Câu 43: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thông qua việc

A. thành lập huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa

B. thành lập đội Hoàng Sa, Bắc Hải và Trường Sa

C. cho hoàn thiện tập Đại Nam nhất thống toàn đồ

D. cử thủy quân ra tuần tra đảo định kì hàng năm

Câu 41: (Đúng/Sai) Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1956, lợi dụng việc chuyển giao giữa Pháp và Việt Nam Cộng hòa, Trung Quốc đã chiếm một phần quần đảo Hoàng Sa và Đài Loan chiếm đảo Ba Bình thuộc quần đảo Trường Sa. Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng phản đối những hành động này, khẳng định quần đảo Hoàng Sa cùng với quần đảo Trường Sa luôn luôn là một phần của Việt Nam. Tháng 4 – 1975, Hải quân Nhân dân Việt Nam đã thu hồi quần đảo Trường Sa, sau đó triển khai lực lượng quản lý và bảo vệ các đảo trên quần đảo Trường Sa có quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ.

a. Toàn bộ quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam đã bị Trung Quốc và Đài Loan đánh chiếm ngay từ năm 1956.

b. Trung Quốc bắt đầu có hoạt động xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa khi quần đảo Hoàng Sa đang thuộc quyền quản lý của chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

c. Trước những hành động xâm lấn quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Trung Quốc và Đài Loan, chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã có những hành động quân sự đích đáng và giành thắng lợi cuối cùng.

d. Năm 1975, Hải quân Nhân dân Việt Nam đã tiếp quản quần đảo Trường Sa từ Trung Quốc và chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

TỰ LUẬN

Câu 1. Nêu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.

Gợi ý trả lời:

- Việt Nam giáp Biển Đông ở ba phía với bờ biển dài khoảng 3.260 km, có khoảng 4.000 hòn đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tạo thành hệ thống đảo bảo vệ đất liền từ xa.

- Các đảo và quần đảo là cửa ngõ, tuyến phòng thủ chiến lược, giúp bảo vệ vùng trời, vùng biển và lãnh thổ Việt Nam.

- Biển Đông nằm trên tuyến hàng hải huyết mạch, có vai trò chiến lược trong bảo vệ an ninh hàng hải và chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

- Biển Đông là con đường giao thương và giao lưu văn hóa, mang lại cơ hội phát triển nhưng cũng đặt ra thách thức về quốc phòng, an ninh và bảo tồn bản sắc văn hóa trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Câu 2. Nêu quá trình xác lập chủ quyền và quản lý liên tục của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Gợi ý trả lời:

- Từ thế kỷ XVII, Việt Nam là quốc gia đầu tiên khai phá, xác lập và quản lý liên tục Hoàng Sa, Trường Sa; chúa Nguyễn lập Đội Hoàng Sa và Đội Bắc Hải để thực thi chủ quyền.

- Triều Nguyễn tái lập các đội này (1803) trong tổ chức Trường Sa, thời vua Minh Mạng đẩy mạnh hoạt động chủ quyền như khảo sát, lập bia, dựng miếu, vẽ bản đồ.

- Tài liệu trong và ngoài nước như bản đồ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* (1838) và tài liệu của Gút-láp (1849) xác nhận Hoàng Sa thuộc Việt Nam.

- Từ cuối thế kỷ XIX đến nay, Việt Nam khẳng định chủ quyền qua các thời kỳ Pháp thuộc, Việt Nam Cộng hòa, đến Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay đối với 2 quần đảo này có tính liên tục, đầy đủ chứng cứ và cơ sở pháp lý để khẳng định Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam.